TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/DS-PT.
Ngày: 02/6/2020.
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Hiền.
Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết;
Ông Nguyễn Xuân Thạo.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Tuân - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Tuyết– Kiểm sát viên.

Ngày 02/6/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLPT- DS ngày 11/02/2020 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 69/2019/DS-ST ngày 13/11/2019 của Toà án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2020/QĐ-PT ngày 25/02/2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thu H, sinh năm 1973, vắng mặt;

Địa chỉ: Số 62, đường Cô B, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Bích L, sinh năm 1975, có mặt.

Địa chỉ: Số 09, đường Hoàng Văn T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đồng bị đơn: Chị Phan Thị Th, sinh năm 1968, có mặt;

Anh Giáp Văn D, sinh năm 1966, chồng chị Th, vắng mặt, ủy quyền cho chị Th).

Đều có địa chỉ: Số 23, ngõ 6A, đường Nguyễn Khắc Nh, phường Trần Nguyên H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1967, chồng chị H, vắng mặt, ủy quyền cho bà Hoàng Thị Bích L;

Địa chỉ: Số 62, đường Cô B, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Đinh Thị Thu H do bà Hoàng Thị Bích L là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Do có mối quan hệ bạn bè, anh Giáp Văn D (chồng chị Phan Thị Th) và anh Nguyễn Hữu H1 (chồng chị Đinh Thị Thu H) là bạn học nên vợ chồng chị H đã nhiều lần cho vợ chồng chị Th vay tiền để kinh doanh từ những năm 2012. Khi vay tiền thì vợ chồng chị Th có viết và ký Giấy biên nhận vay tiền với chị Th. Mỗi khi vợ chồng chị Th trả tiền cho vợ chồng chị H thì chị H đã tính toán cộng tiền gốc và tiền lãi của từng Giấy biên nhận vay tiền. Nếu chị Th trả hết tiền gốc và tiền lãi (tính theo từng Giấy biên nhận) cho chị H thì chị H trả lại cho chị Th bản gốc của Giấy biên nhận vay tiền. Tính đến nay thì vợ chồng chị Th còn nợ vợ chồng chị H tổng số tiền gốc là 547.000.000đồng theo 02 Giấy biên nhận vay tiền cụ thể gồm:

Giấy biên nhận vay tiền ngày 1/7/2013, số tiền vay là 500.000.000đồng, lãi suất 1%/1 tháng, 2 bên không hẹn ngày trả tiền.

Giấy biên nhận vay tiền ngày 02/12/2014, số tiền vay là 47.000.000đồng, lãi suất 1%/1 tháng, 2 bên không hẹn ngày trả tiền.

Khi chị H có nhu cầu sử dụng tiền, chị H đã yêu cầu vợ chồng chị Th trả tiền cho vợ chồng chị H nhưng vợ chồng chị Th vẫn không trả được tiền cho vợ chồng chị H. Nay, chị H khởi kiện và đề nghị vợ chồng chị Th phải trả cho vợ chồng chị H tổng số tiền gốc là 547.000.000đồng và tiền lãi của số tiền trên theo mức lãi suất là 1%/1 tháng cụ thể như sau:

Tiền lãi của số tiền 500.000.000đồng kể từ ngày vay (ngày 1/7/2013) đến ngày xét xử sơ thẩm; tiền lãi của số tiền 47.000.000đồng kể từ ngày vay (ngày 02/12/2014) đến ngày xét xử sơ thẩm.

Chị Th đã nộp cho Tòa án 1 số các Giấy biên nhận nợ gốc có nội dung vợ chồng chị Th vay tiền của vợ chồng chị H. Sau khi xem những Giấy biên nhận nợ gốc này, chị H xác định: Những Giấy biên nhận nợ gốc này được xác lập giữa vợ chồng chị Th với vợ chồng chị H từ trước tháng 7/2013 nhưng những khoản tiền vay này thì vợ chồng chị Th đã thanh toán xong cho vợ chồng chị H. Chị H cũng thừa nhận mặt sau của các Giấy biên nhận nợ này là chữ viết và các chữ số của chị H. Đây là việc chị H đã tính toán nháp các khoản tiền vay của vợ chồng chị Th và một số các khoản tiền vay của một số người khác. Do thời gian đã lâu nên chị H không thể nhớ được những số liệu và các phép tính này là thế nào.

Bị đơn là chị Phan Thị Th đã trình bày: Do có nhu cầu cần vốn để kinh doanh, từ những năm 2000 vợ chồng chị đã nhiều lần vay tiền của vợ chồng chị H với lãi suất rất cao. Việc tính tiền lãi sau mỗi lần chị thanh toán tiền vay cho chị H được chị H tính toán và ghi chép ở mặt sau của Giấy biên nhận vay tiền. Nếu chị thanh toán cả tiền gốc và tiền lãi cho chị H thì chị H trả lại cho chị Giấy biên nhận vay tiền. Nếu khoản tiền nào mà chị chưa thanh toán được cho chị H thì chị H đã nhập khoản tiền lãi với số tiền gốc còn lại và chị H yêu cầu chị phải viết Giấy biên nhận vay tiền mới.

Đối số tiền 547.000.000đồng mà chị H đang khởi kiện đòi vợ chồng chị thì chị xác định là khoản tiền lãi do chị H đã cộng dồn từ các khoản vay tiền của vợ chồng chị với vợ chồng chị H trước đó, trong có cả những khoản tiền mà chị đã trả cho chị H nhưng chị H lại không khấu trừ cho chị mà chị H lại tính nhầm thành tiền vay rồi chị H lại bắt chị viết Giấy biên nhận vay tiền mới. Để chứng minh về việc chị H đã cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc và chị H đã tính nhầm số tiền vay gốc của chị. Chị xin nộp cho Tòa án các Giấy biên nhận vay tiền của vợ chồng chị với vợ chồng chị H trước đó. Tại các mặt sau của Giấy biên nhận vay tiền này đều thể hiện các số liệu tính toán tiền lãi của chị H cụ thể như sau:

Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 28/9/2012, số tiền vay 685.000.000đồng;
Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 27/9/2012, số tiền vay 114.000.000đồng;
Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 29/10/2012, số tiền vay 235.000.000đồng;
Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 28/10/2012, số tiền vay 430.000.000đồng;
Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 02/10/2012, số tiền vay 100.000.000đồng;
Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 01/12/2012, số tiền vay 100.000.000đồng;
Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 01/12/2012, số tiền vay 80.000.000đồng;
Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 01/3/2013, số tiền vay 730.000.000đồng;
Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 23/3/2013, số tiền vay 178.200.000đồng;

Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 01/5/2013, số tiền vay 500.000.000 đồng;

Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 01/5/2013, số tiền vay 430.000.000đồng;

Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 22/8/2013, số tiền vay 488.000.000đồng.

Chị xin giải trình như sau: Ngày 25/4/2013 chị đã ký vay của chị H số tiền 230.000.000đồng (được ký hiệu là số 12).

Tại Giấy biên nhận vay tiền ghi ngày 30/4/2013, chị đã ký nhận vay chị H số tiền 730.000.000đồng, trong đó có số tiền gốc 230.000.000đồng mà chị đã vay của chị H ngày 25/4/2013 nhưng chị H lại tính nhầm cho chị trong số tiền vay 730.000.000đồng, (mặt sau trang này chị đã ký hiệu là trang 8).

Từ ngày 25/4/2013 đến ngày 01/5/2013, tiền lãi của số tiền 230.000.000đồng được chị H tính là 2.300.000đồng. Chị H đã cộng số tiền lãi 2.300.000đồng vào số tiền gốc 230.000.000đồng và cộng thêm một mã vay 198.080.000đồng thành tổng số tiền vay và tiền lãi là: 430.380.000đồng, ngay sau đó chị đã trả cho chị H số tiền 380.000đồng, chị đã ký Giấy biên nhận vay chị H số tiền 430.000.000đồng vào ngày 01/5/2013. (Giấy vay tiền ngày 1/5/2013, trong số tiền vay 430.000.000đồng đã có số tiền gốc 230.000.000đồng mà chị đã vay của chị H ngày 25/4/2013 lại được chị H tính nhầm cho chị). Mặt sau của giấy vay này, chị H có ghi: "TS này đã + 230 triệu, Hoài A D lấy", (được ký hiệu là trang số 10).

Như vậy, số tiền gốc 230.000.000đồng mà chị vay của chị H ngày 25/4/2013 thì chị đã bị chị H đã tính nhầm vào ngày 30/4/2013 và ngày 1/5/2013. Tổng số tiền gốc mà chị H tính nhầm với chị là 2 x 230.000.000đồng = 460.000đồng.

- Tối ngày 7/6/2013, chị đã trả cho chị H số tiền gốc là 230.000.000đồng (mặt sau ký hiệu là trang 10) chị H đã tính lãi của khoản vay 500.000.000đồng từ ngày 1/5/2013 đến ngày 30/5/2013 là 15.400.000đồng; chị H đã ghi: Tổng tiền gốc và tiền lãi = 214.600.000đồng (tiền gốc) + 4.515.000đồng (tiền lãi của số tiền gốc 214.600.000đồng từ ngày 1/6/2013 đến ngày 7/6/2013) = 219.115.000đồng.

Tại mặt sau của trang giấy có ký hiệu 13 chị H đã ghi: "Tính tiền lãi từ ngày 8/6", theo đó chị H lại tiếp tục tính tiền lãi của số tiền 219.000.000đồng từ ngày 8/6 đến hết ngày 30/6/2013 là 9.855.000đồng.

Lẽ ra số tiền 500.000.000đồng mà chị nợ chị H phải trừ đi số tiền 219.000.000đồng mà chị đã trả chị H bằng tiền mặt sau đó cộng 9.855.000đồng tiền lãi trong 22 ngày của tháng 6/2016 thì chị chỉ còn nợ Hà số tiền 271.145.000đồng. Nhưng chị H lại xác định số tiền vay của vợ chồng chị với vợ chồng chị H là 500.000.000đồng + 219.000.0000đồng + 223.000.000đồng (tiền lãi).

Số tiền lãi 223.000.000đồng này thì chị đã thanh toán xong cho chị H. Các khoản tiền mà chị H đã tính nhầm cho vợ chồng chị là: 219.000.000đồng (tiền mặt chị đã trả chị H nhưng chị H đã chuyển thành khoản tiền vay) + 9.855.000đồng (số tiền lãi chị đã trả chị H trong tháng 6/2013) + 460.000.000đồng (số tiền gốc chị H đã tính nhầm cho chị ngày 30/4 và ngày 1/5) = 677.855.000đồng.

Nay, chị H đã khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị phải trả cho vợ chồng chị H số tiền gốc 547.000.000đồng và tiền lãi của số tiền trên thì chị không đồng ý vì: Khi vợ chồng chị thanh toán tiền cho chị H (theo sự tính toán của chị H tại mặt sau của các Giấy biên nhận cũ) thì vợ chồng chị đã bị chị H tính toán nhầm số tiền là 677.855.000đồng. Nếu khấu trừ số tiền 677.855.000đồng vào số tiền mà chị H đang khởi kiện thì thì vợ chồng chị H còn nợ vợ chồng chị 130.855.000đồng. Chị yêu cầu vợ chồng chị H phải trả cho vợ chồng chị 130.855.000đồng.

Bị đơn anh Giáp Văn D trình bầy: Anh là chồng chị Th, anh ủy quyền cho chị Th tham gia tố tụng tại Tòa án, anh không có ý kiến gì bổ sung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Hữu H1 trình bầy: Anh là chồng chị H, anh ủy quyền cho bà Hoàng Thị Bích Loan tham gia tố tụng tại Tòa án.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 69/2019/DS-ST ngày 23/11/2019 của Toà án nhân dân thành phố B đã áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Khoản 1, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 163; Điều 169; Điều 197; Điều 256; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị Thu H.

2. Buộc chị Phan Thị Th anh Giáp Văn D phải trả cho chị Đinh Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu H1 số tiền 954.730.000 đồng (trong đó nợ gốc là 547.000.000 đồng, nợ lãi là 407.730.000 đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, lãi suất chậm trả, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/11/2020, chị Phan Thị Th và anh Giáp Văn D đều nộp đơn kháng cáo không đồng ý trả tiền cho vợ chồng chị H.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn là chị Đinh Thị Thu H do bà Hoàng Thị Bích Loan là người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị Phan

Thị Th và anh Giáp Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Chị Phan Thị Th và anh Giáp Văn D do chị Th đại diện theo ủy quyền đã trình bầy: Sau khi xét xử sơ thẩm, chị đã tìm thêm được 1 số Giấy biên nhận vay tiền có chữ viết của chị H. Tại mặt sau của các Giấy biên nhận vay tiền này đã thể hiện việc chị H buộc vợ chồng chị phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cao, chị H còn tính toán nhầm tiền gốc và cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc rồi chị H lại bắt vợ chồng chị phải viết Giấy biên nhận vay tiền khác với chị H. Nay chị đã tính toán lại và phát hiện là: Khi thanh toán tiền cho chị H (theo các Giấy biên nhận vay tiền cũ) thì vợ chồng chị đã trả thừa cho chị H số tiền 457.766.000đồng. Chị yêu cầu vợ chồng chị H phải trả cho vợ chồng chị số tiền thừa là 457.766.000đồng. Chị xin nộp cho Tòa án bản giải trình chi tiết về số tiền thừa nói trên. Về khoản tiền lãi: Chị H xuất trình Giấy biên nhận vay tiền ngày 02/12/2014, số tiền vay là 47.000.000đồng có ghi: "lãi suất 1%/1 tháng". Về phần lãi suất là do chị H ghi thêm vào sau khi vợ chồng chị ký Giấy biên nhận. Chị không đồng ý trả tiền lãi cho vợ chồng chị H đối với khoản tiền vay này. Nếu chị H không thừa nhận về việc chị H đã viết thêm phần "lãi suất 1%/1 tháng" thì chị đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ viết nói trên.

+ Chị Đinh Thị Thu H và anh Giáp Văn D do bà Hoàng Thị Bích L là người đại diện theo ủy quyền trình bầy: Chị H, anh H1 không đồng ý với nội dung kháng cáo của chị Th và anh D. Chị H không thừa nhận: 02 khoản tiền vay trong 02 Giấy biên nhận vay tiền của vợ chồng chị Th là do chị H cộng dồn tiền lãi của các khoản vay tiền của vợ chồng chị Th với vợ chồng chị H trước đó. Chị H không thừa nhận về việc chị Th đã khai: Chị Th đã bị chị H tính toán nhầm tiền gốc và vợ chồng chị Th đã trả tiền thừa cho chị H. Mặt sau của các Giấy biên nhận có chữ viết của chị H nhưng đây chỉ là việc chị H đã tính toán nháp mà không liên quan đến các khoản tiền mà chị H khởi kiện vợ chồng chị Th. Việc giải trình của chị Th về số tiền mà vợ chồng chị Th đã trả cho chị H (theo các Giấy biên nhận cũ) là không thống nhất, tại phiên tòa sơ thẩm chị Th đã khai: Vợ chồng chị Th đã trả thừa cho chị H số tiền là 130.855.000đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Th lại khai: Vợ chồng chị Th đã trả thừa cho chị H số tiền 457.766.000đồng. Hơn nữa, một số Giấy biên nhận nợ mà chị Th xuất trình không có bút tích của chị H nên chị H không thừa nhận, đây chỉ là việc chị Th nại ra để tính toán cho phù hợp với việc giải trình của chị Th. Về khoản tiền lãi, chị H đã thừa nhận: Tại Giấy biên nhận vay tiền ngày 02/12/2014, số tiền vay là 47.000.000đồng có ghi: "lãi suất 1%/1 tháng" là do anh H1 là chồng chị H đã ghi thêm vào mà không phải chữ viết của chị Th. Nay, chị H

không yêu cầu vợ chồng chị Th phải trả cho vợ chồng chị H tiền lãi của khoản vay này.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa 1 phần bản án sơ thẩm: Vợ chồng chị Th phải trả cho vợ chồng chị H 547.000đồng tiền gốc và 380.000.000đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Đinh Thị Thu H xuất trình 02 Giấy biên nhận vay tiền có nội dung vợ chồng chị H, anh Nguyễn Hữu H1 cho vợ chồng chị Phan Thị Th, anh Giáp Văn D vay tiền cụ thể như sau:

Giấy vay tiền ngày 1/7/2013, số tiền vay là 500.000.000đồng, lãi suất 1%/1 tháng, 2 bên không hẹn ngày trả tiền.

Giấy vay tiền ngày 02/12/2014, số tiền vay là 47.000.000đồng, lãi suất 1%/1 tháng, 2 bên không hẹn ngày trả tiền.

Cả 02 Giấy biên nhận nói trên đều có chữ ký của vợ chồng chị Th, anh D. Nay, chị H đã khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Th phải trả cho vợ chồng chị H tổng số tiền vay gốc là 547.000.000đồng và tiền lãi của số tiền 500.000.000đồng từ ngày vay (ngày 1/7/2013) đến khi xét xử sơ thẩm và tiền lãi của số tiền 47.000.000đồng từ ngày vay (ngày 02/12/2014) đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 1%/1 tháng.

Chị Phan Thị Th không đồng ý trả tiền cho vợ chồng chị H vì lý do vợ chồng chị Th đã trả hết tiền cho chị H, hiện tại vợ chồng chị H vẫn còn nợ tiền của vợ chồng chị Th do quá trình chị Th trả tiền cho chị H (đối với các khoản tiền mà vợ chồng chị Th đã vay của vợ chồng chị H trước đó) thì chị H đã tính toán nhầm tiền gốc của chị Th và chị H đã dồn tiền lãi vào tiền gốc rồi bắt vợ chồng chị Th phải trả tiền cho chị H với mức lãi suất cao. Để chứng minh cho lời khai của chị Th, chị Th đã nộp cho Tòa án 1 số các Giấy biên nhận vay tiền mà vợ chồng chị Th đã ký nhận với chồng chị H trước tháng 7/2013. Theo những Giấy biên nhận vay

tiền này thì 2 bên cũng đã thanh toán xong. Mặt sau của các Giấy biên nhận nợ này là các chữ số của chị H.

Theo chị Th trình bầy: Theo các số liệu của chị H đã ghi tại mặt sau của các Giấy biên nhận nợ này thì chị H đã tính toán nhầm số tiền gốc cho vợ chồng chị Th là 130.855.000đồng.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H buộc vợ chồng chị Th phải trả cho vợ chồng chị H tổng số tiền là 954.730.000 đồng, (trong đó tiền gốc là 547.000.000 đồng, tiền lãi là 407.730.000 đồng).

Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Phan Thị Th và anh Giáp Văn D nộp đơn kháng cáo không đồng ý trả tiền cho vợ chồng chị H. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Th đã trình bầy: Sau khi tính toán lại thì vợ chồng chị Th đã trả thừa cho chị H số tiền 457.766.000đồng. Chị Th yêu cầu vợ chồng chị H phải trả cho vợ chồng chị số tiền 457.766.000đồng. Chị Th không đồng ý trả tiền lãi cho chị H theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 02/12/2014, vì lý do phần "lãi suất 1%/1 tháng" trong Giấy biên nhận vay tiền không phải do chị Th viết. Nếu chị H không thừa nhận về việc chị H đã viết thêm phần "lãi suất 1%/1 tháng" thì chị Th đề nghị Tòa án trưng cầu giám định đối với phần chữ viết nói trên.

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Phan Thị Th và anh Giáp Văn D về việc chị Th, anh D không đồng ý trả tiền cho vợ chồng chị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vợ chồng chị Th đã thừa nhận chữ viết và chữ ký của mình trong 02 Giấy biên nhận vay tiền do chị H xuất trình. Chị Th xác định chị Th đã nhiều lần vay tiền của chị H nhưng tổng số tiền 547.000.000đồng ghi trong 02 Giấy biên nhận vay tiền mà chị H đang khởi kiện đòi vợ chồng chị Th chính là khoản tiền lãi của những khoản tiền vay của vợ chồng chị Th với chị H từ trước đó. Có những mã tiền mà chị Th mang đến trả cho chị H nhưng chị H lại chuyển thành khoản tiền vay và chị H đã tính nhầm cho chị Th.

Chị H thừa nhận các Giấy biên nhận vay tiền do chị Th xuất trình cho Tòa án là các khoản vay tiền của chị Th với chị H trước đó, nhưng các Giấy biên nhận vay tiền đã được các bên thanh toán xong. Sau khi thanh toán tiền thì chị Th đã được chị H trả lại các Giấy biên nhận vay gốc này. Mặt sau của các Giấy biên nhận vay này là chữ số của chị H đã viết nháp về số tiền vay của chị Th và một số tiền vay của những người khác. Các số liệu này không liên quan đến số tiền vay được ghi trong 02 Giấy biên nhận vay tiền mà chị H đang khởi kiện chị Th. Chị H không thừa nhận có việc chị H đã cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc cho chị Th, chị H cũng không thừa nhận việc chị H đã tính nhầm khoản tiền gốc như chị Th trình bầy.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cho chị Th giải trình về những con số mà chị H đã ghi chép tại mặt sau của Giấy biên nhận vay tiền này nhưng chị Th vẫn không giải trình được việc tính toán như thế nào để trở thành số tiền vay 500.000.000đồng và 47.000.000đồng được ghi trong 02 Giấy biên nhận vay tiền của chị H. Việc giải trình của chị Th về số tiền mà vợ chồng chị Th đã trả cho chị H (theo các Giấy biên nhận vay tiền cũ) là không thống nhất. Tại phiên tòa sơ thẩm chị Th đã trình bầy: Vợ chồng chị Th đã trả thừa cho vợ chồng chị H số tiền là 130.855.000đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Th lại trình bầy: Vợ chồng chị Th đã trả thừa cho vợ chồng chị H số tiền 457.766.000đồng. Hơn nữa, trong các Giấy biên nhận nợ cũ mà chị Th xuất trình có một số Giấy biên nhận nợ lại không có bút tích của chị H và không được chị H thừa nhận. Chị Th không lý giải được các con số mà chị H đã ghi chép được chị H tính toán tiền lãi từ khoản vay nào? việc tính toán tiền lãi theo mức lãi suất là bao nhiêu? khoản tiền lãi nào được chuyển thành tiền gốc.

Theo sự phân tích nêu trên thì phải khẳng định: Việc chị Th và anh D kháng cáo cho rằng vợ chồng chị Th không còn nợ tiền của vợ chồng chị H là không có căn cứ. Do các bên đã giao kết Hợp đồng vay tài sản có lãi và không có thời hạn trả nợ là phù hợp với Điều 471 và khoản 2, Điều 477 của BLDS năm 2005. Nay, vợ chồng chị H đã khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Th trả tiền nhưng vợ chồng chị Th vẫn không trả được tiền cho vợ chồng chị H. Vợ chồng chị Th đã vi phạm thời hạn trả nợ và nghĩa vụ trả nợ, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc vợ chồng chị Th phải trả tiền cho vợ chồng chị H toàn bộ tiền gốc và tiền lãi là đúng quy định tại khoản 5, Điều 474; khoản 2 Điều 476 và khoản 2, Điều 477 của BLDS năm 2005.

[2] Xét kháng cáo của chị Th, anh D về việc chị Th, anh D không đồng ý trả tiền lãi cho vợ chồng chị H đối với số tiền gốc 47.000.000đồng theo Giấy vay tiền ngày 02/12/2014, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Giấy vay tiền ngày 02/12/2014 có ghi "lãi suất 1%/1 tháng", phía chị Th không thừa nhận phần ghi lãi suất là do chị Th viết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đinh Thị Thu H và anh Giáp Văn D do bà Hoàng Thị Bích L là người đại diện theo ủy quyền trình bầy: Chị H và anh H1 đã thừa nhận: Anh H1 đã ghi thêm phần: "lãi suất 1%/1 tháng" vào Giấy vay tiền ngày 02/12/2014. Nay, chị H không yêu cầu vợ chồng chị Th phải trả cho vợ chồng chị H tiền lãi của khoản vay này.

Như vậy, cần chấp nhận sự tự nguyện về việc chị H không yêu cầu vợ chồng chị Th phải trả cho chị H tiền lãi của số tiền gốc 47.000.000đồng trong Giấy vay tiền ngày 02/12/2014.

Đối với khoản vay 500.000.000đồng thì vợ chồng chị Th và vợ chồng chị H đã thỏa thuận về mức lãi suất là 1%/1 tháng. Mức lãi suất này là không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước, phù hợp với quy định về mức lãi suất tại khoản 1, Điều 476 BLDS năm 2005, cần được chấp nhận.

Tiền lãi của số tiền gốc 500.000.000đồng từ ngày 01/7/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/11/2019) là 76 tháng 12 ngày theo mức lãi suất 1%/1 tháng được tính như sau:

500.000.000đồng x 1%/1 tháng x (76 + 12/30) tháng = 380.000.000đồng

Như vậy, cần sửa bản án sơ thẩm đã xử, buộc vợ chồng chị Phan Thị Th, anh Giáp Văn D phải trả cho vợ chồng chị Đinh Thị Thu H, anh Nguyễn Hữu H1 tổng số tiền gốc và tiền lãi là:

500.000.000đồng (tiền gốc 1) + 380.000.000đồng (tiền lãi 1) + 47.000.000đồng (tiền gốc 2) = 927.000.000đồng.

Về án phí DSST: Do vợ chồng chị Th, anh D có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, Tòa án cấp sơ thẩm đã miễn 1 phần án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng chị Th, anh D. Nay, cần buộc vợ chồng chị Th, anh D phải chịu 1 phần án phí sơ thẩm theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

Về án phí DSPT: Do sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận 1 phần kháng cáo của chị Th, sửa bản án sơ thẩm đã xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Khoản 1, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 163; Điều 169; Điều 197; Điều 256; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Thu H.

2. Buộc chị Phan Thị Th và anh Giáp Văn D phải trả cho chị Đinh Thị Thu H và anh Nguyễn Hữu H1 tổng số tiền gốc và tiền lãi là 927.000.000đồng (chín trăm hai mươi bẩy triệu đồng chẵn), trong đó tiền gốc là 547.000.000 đồng, tiền lãi là 380.000.000đồng.

3. Án phí DSST:

Chị Phan Thị Th và anh Giáp Văn D phải nộp 20.320.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Đinh Thị Thu H 19.493.400đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0000173, ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

4. Án phí DSPT:

Chị Phan Thị Th và anh Giáp Văn D không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho chị Phan Thị Th 300.000đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai thu tiền số 000744 ngày 06/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B;

Hoàn trả cho anh Giáp Văn D 300.000đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai thu tiền số 000745 ngày 28/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Toà án nhân dân thành phố B;
-Chi cục THADS thành phố B;
-Các đương sự;
-Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký
Phạm Thị Minh Hiền